

Bản án số: 357/2020/DS-ST  
Ngày 29-9-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng thuê tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Hoàng Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Ngọc

2. Ông Phan Lê Huy Hoàng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hải Sâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa: bà Võ Ngọc Liên Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 339/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 318/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hồng H – sinh năm 1979; Địa chỉ: 689/14 đường N, Phường B, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

*Bị đơn:* Công ty Cổ phần Tập đoàn G (trước đây là Công ty TNHH Thương mại Vận tải và Du lịch G); Trụ sở: 20 đường C, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Văn Tuấn – Giám đốc (vắng mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Kiều O – sinh năm 1981; Địa chỉ: 689/14 đường N, Phường B, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hồng H trình bày:*

Ông Nguyễn Hồng H (sau đây viết tắt là ông H) và Công ty Cổ phần tập đoàn G (tên cũ Công ty TNHH Thương mại Vận tải và Du lịch G, sau đây viết

tất là Công ty G) có ký kết hợp đồng cho thuê xe số: /HĐCTX 2018 vào ngày 08/12/2018, theo hợp đồng, ông H cho Công ty G thuê xe Toyota Innova model 2015, màu xe: Bạc, biển số 51F-062.21, giá thuê: 11.000.000 đồng/tháng được trả vào cuối mỗi kỳ, hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, thời gian thanh toán dao động từ 01 đến 15 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, thời hạn thuê: 01 năm tính từ ngày 09/12/2018 đến 09/12/2019. Thực hiện hợp đồng, Bị đơn đã thanh toán cho Nguyên đơn tiền thuê xe tháng 01 và 02/2019, từ kỳ thanh toán thứ 3 đến hết hạn hợp đồng bị đơn không trả tiền thuê theo thỏa thuận dù Nguyên đơn nhiều lần nhắc nhở, ngày 18/10/2019 Nguyên đơn nhận lại xe. Nay Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công ty G thanh toán tiền thuê xe từ ngày 09/02/2020 đến ngày 09/10/2020 là 88.000.000 đồng ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là Công ty Cổ phần Tập đoàn G vắng mặt suốt quá trình tố tụng nên không có lời khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Kiều O trình bày: bà và ông Nguyễn Hồng Huân là vợ chồng hợp pháp, xe ô tô Toyota Innova biển số 51F-062.21 là tài sản chung vợ chồng. Bà thống nhất với ý kiến, yêu cầu của ông H, đề nghị Tòa án buộc Bị đơn trả cho ông H 88.000.000 đồng tiền thuê xe còn thiếu.

*Tại phiên tòa hôm nay,*

Nguyên đơn - ông Nguyễn Hồng H vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn G vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì ông Nguyễn Hồng H có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng thuê tài sản với Công ty Cổ phần Tập đoàn G tại Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn Nguyễn Hồng H có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kiều O có đơn xin vắng mặt.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn G đến Tòa án để trình bày lời khai; tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng Bị đơn đều vắng mặt không vì sự kiện

bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán tiền thuê xe từ ngày 09/02/2019 đến 09/10/2019 là 88.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Hợp đồng cho thuê xe số: /HĐCTX 2018 ngày 08/12/2018, Phiếu chi ngày 27/2/2019 và Phiếu chi ngày 22/3/2019 thì đủ cơ sở xác định giữa Nguyên đơn và Bị đơn đã giao kết hợp đồng thuê tài sản.

Quá trình tố tụng, Bị đơn đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nhưng Bị đơn không đến Tòa trình bày ý kiến phản hồi nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của Nguyên đơn cùng các chứng cứ có trong hồ sơ xác định Bị đơn còn thiếu Nguyên đơn tiền thuê xe từ 09/02/2019 đến 18/10/2019 là 10 tháng 08 ngày. Tuy nhiên, Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền thuê xe còn thiếu từ 09/02/2019 đến 09/10/2019 năm 2020 là 10 tháng x 11.000.000 đồng = 88.000.000 đồng là có căn cứ, có lợi cho Bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 472 và Điều 481 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn số tiền thuê xe còn thiếu là 88.000.000 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 88.000.000 đồng x 5% = 4.400.000 đồng.

Hoàn lại cho Nguyên đơn 825.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 472, 481 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng H:

Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn G có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Hồng H số tiền là 88.000.000 (tám mươi tám triệu) đồng. Thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần Tập đoàn G phải chịu 4.400.000 (bốn triệu bốn trăm ngàn) đồng.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Hồng H số tiền 825.000 (tám trăm hai mươi lăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0038666 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND TPHCM;
- VKSND QTB;
- CCTHADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Hoàng Mai**